

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DS-ST

Ngày: 23- 01 -2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Đặng Huỳnh Khánh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 451/2024/TLST – DS ngày 29 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-DS ngày 06/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Lê Nhất T - Chủ hộ kinh doanh Đại Tín.

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Minh T1, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2024. Anh T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 20/01/2025.

- Bị đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1967. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2024, bản tự khai ngày 20/01/2025, cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau:*

Vào năm 2014 Đại lý thức ăn Đ do ông T làm chủ hộ kinh doanh có bán cho bà Trương Thị L thuốc và thức ăn nuôi trồng thủy sản. Đến ngày 02/03/2014 hai bên lập bản xác nhận công nợ bà L còn nợ Đại lý Đ số tiền 217.900.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu chín trăm nghìn đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 12/6/2014 bà L đã trả được 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu đồng) còn nợ 142.900.000 (Một trăm bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng). Đại lý Đ nhiều lần yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền còn lại nhưng bà L không trả. Nay ông T chủ hộ kinh doanh Đại Tín yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Đại lý Đ số tiền còn nợ 142.900.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

** Bà Trương Thị L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Nguyễn Lê Nhất T chủ Hộ kinh doanh Đại Tín kiện bà Trương Thị L có địa ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre trả số tiền thuốc và thức ăn nuôi trồng thủy sản. Đây là loại việc quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Lê Nhất T - chủ Hộ kinh doanh Đại Tín yêu cầu bà L trả lại số tiền mua bán thuốc và thức ăn nuôi trồng thủy sản là 142.900.000 (Một trăm bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng). Hội đồng xét xử thấy như sau:

Trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án bà L không có ý kiến phản hồi nào về yêu cầu của Hộ kinh doanh Đại lý Đ đưa ra, đều vắng mặt trong các phiên hòa giải và xét xử, bà L đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ. Điều đó, chứng tỏ bà L đã biết được nội dung ông T chủ Hộ kinh doanh Đại Tín khởi kiện và số tiền ông T yêu cầu bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ,

nhưng bà L không có ý kiến phản đối gì về yêu cầu của ông T chủ Hộ kinh doanh Đại Tín đưa ra. Do đó, căn cứ vào bản xác nhận công nợ ngày 02/3/2014 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định tình tiết bà L nợ ông T chủ hộ kinh doanh Đại Tín số tiền mua bán thuốc và thức ăn nuôi trồng thủy sản là 142.900.000 (Một trăm bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng) là có thật. Đây là tình tiết không phải chứng minh, vì vậy yêu cầu của ông T chủ hộ kinh doanh Đại Tín là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Ghi nhận ông T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của ông T chủ hộ kinh doanh Đại Tín được chấp nhận nên bà L phải chịu toàn bộ án phí. Cụ thể án phí bà L phải chịu: 142.900.000 đồng x 5% = 7.145.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lê Nhất T chủ hộ kinh doanh Đại Tín đối với bà Trương Thị L.

2. Buộc bà Trương Thị L phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Lê Nhất T chủ hộ kinh doanh Đại Tín số tiền 142.900.000 (Một trăm bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu số tiền nêu trên chưa được bà Trương Thị L thi hành thì hàng tháng bà L còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Trương Thị L phải chịu 7.145.000 đồng (Bảy triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Lê Nhất T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.572.500 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng đồng) theo biên lai thu tiền số 0006819, ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Lê Nhất T – Chủ hộ kinh doanh Đại lý Đ, bà Trương Thị L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hoàng Mích – Đào Thị Tuyết Mai

Trần Văn Tuấn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....

Trần Văn T3